

Số: 129 /BC-UBND

Kiên Hải, ngày 27 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Chương trình phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X

Thực hiện Công văn số 525/SKHĐT-THQHKH ngày 20/5/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang về việc báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn huyện như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để thực hiện tốt sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện về những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phát triển kinh tế biển; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt Đề án phát triển du lịch huyện Kiên Hải đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và các văn bản chỉ đạo điều hành trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có nội dung phát triển kinh tế biển trên địa bàn huyện, tiếp tục thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biển; hỗ trợ về đầu tư, xúc tiến thương mại đối với một số sản phẩm phục vụ du lịch của huyện. Thường xuyên theo dõi, kịp thời tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế biển.

2. Tuyên truyền, phổ biến về chiến lược biển

Với đặc thù là huyện đảo nên công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chương trình phát triển kinh tế biển đảo luôn được huyện quan tâm và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt. Trong thời gian qua đã tổ chức tuyên truyền được 106 cuộc, có 4.989 lượt người tham dự. Nội dung, Luật biển Việt Nam và các văn bản có liên quan đến biển, đảo. Hình thức tuyên truyền tại các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt hoạt chi tổ, hội... Qua đó đã nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức, viên chức và nhân dân, góp phần thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, giữ vững quốc phòng an ninh trên biển. Ngoài ra còn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về văn hóa, tiềm năng phát triển du lịch thông qua việc tổ chức các hội thi, hội diễn, hình thức cổ động trực quan, pano, áp - phích... được 168 cuộc, có 6.020 lượt người tham dự.

3. Công tác quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các vùng kinh tế biển và ven biển

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện có chỉ đạo ngành chuyên môn thực hiện việc rà soát quy hoạch, xây dựng để kịp thời bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các vùng kinh tế biển và ven biển, tổ chức công bố, công khai quy hoạch, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển các vùng trọng điểm kinh tế biển trên địa bàn huyện được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định. Trong thời gian qua huyện đã tổ chức lấy ý kiến thông qua quy hoạch phát triển kinh tế biển được 03 cuộc, có 74 lượt người tham dự.

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÁC NGÀNH Ở VÙNG VEN BIỂN, HẢI ĐẢO

1. Về phát triển du lịch, dịch vụ du lịch vùng ven biển, hải đảo

- Xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII; UBND huyện đã trình UBND tỉnh công nhận Quần đảo Nam Du và Đảo Lại Sơn là Khu du lịch địa phương (theo Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang). Để thực hiện tốt công tác quản lý du lịch trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện ban hành 03 Quyết định (Quyết định số 427/QĐ-UBND, Quyết định số 428/QĐ-UBND và Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 về việc thành lập Ban Quản lý Khu Du lịch tại các xã Lại Sơn, An Sơn và Nam Du), có 44 thành viên; tham mưu Huyện ủy xây dựng Kế hoạch số 86-KH/HU ngày 15-10-2018 về phát triển du lịch của huyện Kiên Hải đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và ban hành Đề án phát triển du lịch của huyện Kiên Hải đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (trong đó có nội dung phát triển kinh tế biển).

- Hiện nay, việc kinh doanh phát triển khu, điểm du lịch được chia thành 3 khu vực: Quần đảo Nam Du (có 2 xã An Sơn và Nam Du, với 21 đảo lớn nhỏ nằm rải rác xung quanh tạo nên cảnh quan biển đảo đẹp và thơ mộng, thu hút được nhiều khách du lịch), đảo Lại Sơn và đảo Hòn Tre. Các khu vực có tiềm năng phát triển thành khu, điểm du lịch như: Bãi Cây Mến Lớn, Bãi Sỏi (xã An Sơn); Hòn Dầu, Hòn Bờ Đập, Hòn Mấu (xã Nam Du),.... là những bãi biển đẹp (trừ Hòn Dầu) thì 3 khu còn lại mỗi nơi đều có cơ sở lưu trú và một số quán ăn tự phát của người dân phục vụ nhu cầu cho khách du lịch.

- Nhờ có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái biển, trong những năm gần đây Kiên Hải được nhiều du khách trong và ngoài tỉnh biết đến, số lượt khách du lịch đến huyện liên tục tăng cao, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 - 2018 là 98,1%/năm, doanh thu ước đạt khoảng 700 tỷ đồng, đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm cho người dân trên địa bàn huyện. Thương mại - dịch vụ được duy trì ổn định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ đạt 1.174 tỷ đồng (theo giá thực tế). Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đều đạt và

vượt kế hoạch đề ra (Trong đó công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 12,05%; thương mại - dịch vụ tăng 15,14%).

- Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ vận tải trên địa bàn huyện. Hiện tại huyện có 3/4 xã có đường quanh đảo và ngang đảo, bến cập tàu và bến nghiêng (riêng đường quanh đảo, ngang đảo xã Lại Sơn và An Sơn; 02 bến cập tàu xã Lại Sơn; bến nghiêng xã Hòn Tre được xây dựng trong giai đoạn 2011 - 2015, có 04 bến cảng phục vụ cho việc vận chuyển hành khách được thuận lợi (Hòn Tre 01, Lại Sơn 02, An Sơn 01), phương tiện đường bộ có 04 xe ô tô chuyên chở hàng hóa nhỏ lẻ và 650 phương tiện xe mô tô, xe gắn máy; phương tiện thủy từ 04 phương tiện năm 2015 tăng lên 13 phương tiện vận chuyển hành khách, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của du khách và nhân dân trên địa bàn huyện; cơ sở lưu trú du lịch phát triển khá nhanh, năm 2015 có 31 cơ sở với 211 phòng nghỉ, có 34.900 lượt khách, trong 9 tháng đầu năm 2019 có 127 cơ sở với 1.102 phòng, có 375.624 lượt khách. Tuy nhiên, vào những ngày lễ lớn lượng khách du lịch tăng nhiều nên việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn do tàu có công suất nhỏ nên việc vận chuyển chưa đảm bảo nhu cầu so với số lượng khách.

2. Phát triển thương mại và các ngành dịch vụ khác

Hiện tại huyện chỉ có 02 đơn vị đăng ký kinh doanh hoạt động lữ hành, còn lại có một số cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ theo hộ gia đình. Tại Quần đảo Nam Du, hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng tàu và ca nô đi tham quan các đảo là một loại hình hấp dẫn được nhiều du khách chọn lựa. Năm 2015, chỉ có 06 tàu vận chuyển khách tham quan các đảo, nhưng đến năm 2016 và 2017 thì số lượng đã tăng lên 25 chiếc, với 19 tàu tham quan và 6 ca nô. Khu vực các xã bao gồm Quần đảo Nam Du, Hòn Sơn và Hòn Tre vì địa hình nhỏ hẹp nên phần lớn du khách thuê mô tô, xe máy tham quan quanh các đảo. Năm 2017, số lượng xe máy của các cơ sở kinh doanh vận chuyển cho khách thuê với tổng số khoảng 137 xe (năm 2015 chỉ có 01 xe ô tô 15 chỗ vận chuyển khách du lịch tại các điểm tham quan tại Hòn Lớn, năm 2016 tăng 6 xe và năm 2017 tăng thêm 01 xe. Tại khu vực Hòn Sơn đã có nhà đầu tư mua sắm xe điện và xe ô tô 15 chỗ trở xuống phục vụ du khách tham quan quanh đảo. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và thu trợ cấp ngân sách cấp trên năm 2016 đạt 192,177 tỷ đồng; ước cả năm 2019 đạt 218,559 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 220 tỷ đồng.

*** Dịch vụ tài chính, ngân hàng**

Hiện nay trên địa bàn huyện có 02 Chi nhánh: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Kiên Hải và Ngân hàng Chính sách xã hội nhưng chỉ có địa bàn xã Hòn Tre được trang bị thùng ATM để thực hiện các hoạt động giao dịch qua thẻ tín dụng. Trong thời gian qua, các ngân hàng đã tạo điều kiện cho ngư dân vay vốn để đầu tư vào lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy hải sản với tổng số tiền 1.479,5 tỷ đồng.

*** Bưu chính, viễn thông**

Huyện có 01 Bưu điện huyện, 01 Bưu điện văn hóa xã và 03 bưu cục xã để phục vụ nhu cầu thông tin của các cơ quan Nhà nước và người dân trên đảo, mạng lưới thông tin di động được phủ sóng 100%; thuê bao Internet phát triển nhanh, hiện có 1.876 thuê bao, tăng 21,33% so với năm 2015, thuê bao điện thoại hiện có 417 thuê bao, giảm 10% so với năm 2015. Tuy nhiên, về chất lượng so với các huyện đất liền còn nhiều hạn chế như: Vận chuyển thông tin, ấn phẩm, chuyển tiền còn chậm do điều kiện đi lại khó khăn.

3. Phát triển kinh tế thủy sản vùng ven biển

Để thực hiện có hiệu quả việc đầu tư nuôi trồng thủy sản, huyện đã chỉ đạo các xã quy hoạch lại khu vực nuôi và hỗ trợ người dân thực hiện nhiều mô hình nuôi biển, kêu gọi doanh nghiệp nuôi biển ứng dụng công nghệ cao theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Sản lượng khai thác thủy sản trong năm ước đạt 335.305 tấn, tăng 0,42%, đạt 100,39% kế hoạch 5 năm; hiện nay toàn huyện có 229 hộ nuôi, có 1.142 lồng, 54.816m³, sản lượng nuôi trồng đạt 4.263 tấn, đạt 106,57% kế hoạch 5 năm; Ước tính giá trị sản xuất đạt 14.116,613 tỷ đồng, đạt 104,14% kế hoạch 5 năm.

Đẩy mạnh tái cơ cấu lại lĩnh vực khai thác hải sản, sắp xếp lại đội tàu khai thác theo hướng không tăng thêm số lượng tàu cá, ngành nghề khai thác; triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác bất hợp pháp, tính đến ngày 30/6/2019 có 1.235 tàu, giảm 56 tàu, trong đó tàu khai thác xa bờ 156 tàu. Giá trị sản xuất trong thời gian qua ước đạt 225,811 tỷ đồng, đạt 43,63% kế hoạch. Chế biến thủy, hải sản tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm, đến nay, có 1.960 cơ sở chế biến hải sản vừa và nhỏ.

III. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI VÙNG VEN BIỂN, HẢI ĐẢO

1. Đào tạo nguồn nhân lực

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quản lý được các cấp quan tâm thực hiện tốt, từ năm 2016 đến nay đã đào tạo được 367 lượt cán bộ, công chức cấp huyện, xã; bồi dưỡng cho 99 cán bộ. Từ năm 2016 đến tháng 6/2019 đã giới thiệu việc làm cho trên 1.900 lượt người đi làm trong và ngoài tỉnh. Nâng tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn huyện đạt 91,9%.

Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch luôn được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm. Dự kiến đến năm 2020 tổng số lao động trong ngành du lịch 3.390 người. Trong đó: Lao động trực tiếp trong lĩnh vực du lịch là 1.130 người, lao động gián tiếp là 2.260 người; tỷ lệ lao động đã được qua đào tạo đạt 60% (năm 2018 số lượng lao động qua đào tạo đạt 45,03%).

Thực hiện tốt công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện, đến nay đã công nhận được 8/8 trường đạt chuẩn (trong đó có 03 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất về nông thôn mới và 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1), đạt 100%. Tiêu chí này có 4/4 xã đạt, tăng 3 xã so với năm 2012; 4/4 đạt phổ cập mầm non và đạt mức độ 3 phổ cập tiểu học; 3/4 xã đạt mức độ 2 (Nam Du,

Lại Sơn và Hòn Tre), 1/4 xã đạt mức độ 1 (An Sơn) phổ cập THCS; 4/4 xã đạt xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

2. Y tế

Hiện nay các Trạm y tế đều có bác sĩ phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Tỷ lệ người dân được cấp bảo hiểm y tế đạt 100%, công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được triển khai đến tuyến xã; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 13,4%, có 4/4 xã đạt tiêu chí về y tế.

3. Văn hóa - xã hội

Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác văn hóa ở cơ sở được củng cố, kiện toàn và được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của huyện có bước tiến bộ; 4/4 xã có câu lạc bộ bóng đá và có sân bóng đá, bóng chuyền; 4/4 xã có câu lạc bộ đàn ca tài tử; 3/4 xã có câu lạc bộ dưỡng sinh; 2/4 xã có công viên, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa, thể thao của cán bộ và nhân dân, tạo được môi trường văn hóa lành mạnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh, hàng năm, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 85%; ấp văn hóa đạt trên 84%; cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa bình quân đạt trên 90%.

4. Chính sách an sinh xã hội

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã được Mặt trận Tổ quốc và các ngành, đoàn thể từ huyện đến xã. Hàng năm các cấp chính quyền phối hợp với đoàn thể tổ chức đến thăm và tặng quà các gia đình người có công với cách mạng hỗ trợ điều kiện học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ sản xuất, nhà ở cho hộ nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm,... Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được thực hiện hiệu quả. Kết quả, đến cuối năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn 0,35%, hỗ trợ hộ gia đình gặp thiên tai đã được thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ. Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho người dân trên đảo được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường.

IV. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÙNG VEN BIỂN VÀ TRÊN CÁC ĐẢO

1. Huy động vốn đầu tư

Nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển kinh tế biển Kiên Hải trong những năm qua dành cho phát triển cơ sở hạ tầng là chủ yếu. Ngoài công tác đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển như giao thông, điện, cấp thoát nước, bảo vệ môi trường, dự án đưa điện lưới quốc gia ra xã đảo Hòn Tre, Lại Sơn. Đầu tư máy phát điện cho xã An Sơn, Nam Du; xây dựng cầu cảng hành khách, đường quanh các đảo; đầu tư xây dựng, nâng cấp cảng cá, đường giao thông. Các lĩnh vực ngành nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ nghề cá, chế biến và xuất khẩu thủy sản, du lịch biển đảo phát triển mạnh, hiệu quả. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 1.231,883 tỷ đồng.

2. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Giao thông

Do đặc thù là huyện đảo nên việc đi lại giữa các đảo, các xã chủ yếu là đường thủy. Đến nay, đã đầu tư 3/4 xã (Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn) có bến cập tàu đáp ứng yêu cầu và đã thu hút được 03 Công ty vận tải: Superdong, PQ Express, Ngọc Thành mở nhiều tuyến tàu từ đất liền ra đảo và ngược lại tạo điều kiện cho giao thương ngày càng thuận lợi.

- Đường giao thông nông thôn xã Lại Sơn: Chiều dài 1.195,5m, chiều rộng 3,0 - 4,5m với tổng vốn 1 tỷ 648 triệu đồng; đường giao thông nông thôn đến Đỉnh Đồi Thơ: chiều dài 700m, chiều rộng 2,5m với tổng vốn 3.543.902.750 đồng; đường giao thông nông thôn xã Lại Sơn (giai đoạn 2): chiều dài 956,8m, chiều rộng 2,0m với tổng vốn 1.170.611.949 đồng.

- Đường quanh đảo xã An Sơn với tổng vốn đầu tư 287 tỷ đồng, chiều dài 11,5km; đường giao thông nông thôn Bãi Đá Trắng xã An Sơn (giai đoạn 1): chiều dài 1.786m chiều rộng 2m với tổng vốn đầu tư là 3 tỷ 498 triệu; đường giao thông nông thôn Bãi Đá trắng - xã An Sơn (giai đoạn 2): chiều dài 286m chiều rộng 2,0m với tổng vốn 990.772.633 đồng; đường giao thông nông thôn xã An Sơn: chiều dài 1.053m chiều rộng 3,0m với tổng vốn 1 tỷ 165 triệu đồng; đường giao thông nông thôn xã An Sơn (Bãi Trệt - Bãi Cỏ: chiều dài 1.611m chiều rộng 3,0m với tổng vốn 1 tỷ 861 triệu đồng; đường giao thông nông thôn ấp An Cư - xã An Sơn: chiều dài 524m, chiều rộng 2,0 - 3,5m với tổng vốn 835.284.691 đồng).

- Đường giao thông nông thôn ngang đảo xã Nam Du: Chiều dài 241m chiều rộng 2,0 - 2,5m với tổng vốn đầu tư 1 tỷ 485 triệu đồng; đường giao thông nông thôn xã Nam Du: chiều dài 313,5m chiều rộng 2,0 - 2,5m với tổng vốn 1 tỷ 747 triệu đồng; đường giao thông nông thôn ấp An Bình - xã Nam Du: chiều dài 219m, chiều rộng 2,0m với tổng vốn 800.031.399 đồng.

- Đường giao thông nông thôn xã Hòn Tre: chiều dài 580m, chiều rộng 3,0m với tổng vốn 1 tỷ 391 triệu đồng; đường giao thông nông thôn xã Hòn Tre: chiều dài 1.019m chiều rộng 2,0 - 2,5m với tổng vốn 2.112.992.863 đồng.

2.2. Nông nghiệp

Trong những năm qua, huyện luôn chú trọng huy động các nguồn lực để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển nông nghiệp. Lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới..., đầu tư xây dựng công trình gồm: 02 hồ chứa, kiên cố hóa 04 km cống thoát nước; xây dựng mới 1 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, nâng cấp các cống, hệ thống thoát nước, bảo đảm ổn định việc cấp thoát nước phục vụ cho sản xuất.

2.3. Hạ tầng Y tế

Ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương, địa phương, Chính phủ cũng có quyết định đầu tư hàng trăm tỷ đồng cho một số

chương trình, Đề án lớn đầu tư nâng cấp hệ thống y tế tuyến huyện, xã. Tính đến nay, đã đầu tư xây dựng nâng cấp và trang thiết bị cho 03 Trạm y tế xã.

2.4. Văn hóa, thể dục thể thao

Các công trình văn hóa thể thao được quan tâm đầu tư và đưa vào sử dụng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Lại Sơn; đang đấu thầu xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã An Sơn và Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Nam Du. Xã Hòn Tre sẽ thừa hưởng các thiết chế văn hóa, thể thao của huyện. 13/13 ấp có nhà văn hóa gắn với trụ sở ấp đạt chuẩn nông thôn mới. Hiện nay có 4/4 xã có Trạm Truyền thanh phát đến 13/13 ấp, có 02 sân khấu ngoài trời với sức chứa trên 1.000 người, 01 thư viện huyện với 5.000 quyển sách, tủ sách pháp luật ở các xã được trang bị; 02 điểm Bưu điện văn hoá xã hoạt động thường xuyên.

2.5. Phát triển du lịch

Huyện có 12 dự án đầu tư phát triển du lịch đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh như: (1) Khu du lịch Bãi Bằng tại Ấp Bãi Bắc, xã Lại Sơn, có diện tích 5,2 ha; (2) Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hòn Tre có diện tích 52,5 ha; (3) Điểm du lịch Đuôi Hà Bá tại Xã Hòn Tre có diện tích 12 ha; (4) Điểm du lịch Đồi Thơ tại Xã Lại Sơn có diện tích 30 ha; (5) Điểm du lịch Bãi Bắc tại Xã Lại Sơn có diện tích 32 ha; (6) Điểm du lịch 3 Hòn Nôm tại Xã An Sơn có diện tích 36 ha; (7) Điểm du lịch Hòn Ông tại Xã An Sơn có diện tích 32 ha; (8) Điểm du lịch Hòn Dầu tại Xã Nam Du có diện tích 23 ha; (9) Điểm du lịch Hòn Bờ Đập tại xã Nam Du có diện tích 10 ha, (10) Khu du lịch sinh thái Bãi Chén - Hòn Tre, (11) Khu du lịch Bãi Cây Mến Lớn có diện tích 10 ha tại xã An Sơn, (12) Khu du lịch Nghỉ dưỡng cao cấp biển đảo Hòn Mấu tại xã Nam Du.

Hệ thống cơ sở lưu trú của huyện phát triển nhanh, đến nay toàn huyện có 127 cơ sở với 1.102 phòng, 4 tàu cao tốc chất lượng cao, 22 tàu vận chuyển khách tham quan quanh các đảo, 07 canô, 9 ô tô khách, 07 xe điện và 4.500 xe gắn máy, 17 cơ sở dịch vụ ăn uống, 30 điểm mua bán hải sản phục vụ du khách.

2.6. Cấp điện, cấp nước

2.6.1. Cấp điện:

Ban Điều hành Nhà máy điện huyện đã xây dựng kế hoạch cung cấp điện từng tháng trên cơ sở bám sát tình hình vận hành, nhu cầu sử dụng điện để điều hành hệ thống điện an toàn, khai thác hiệu quả các nguồn điện. Hiện các Trạm phát điện hạn chế tối đa cắt điện khi sửa chữa, bảo dưỡng, thi công các công trình lưới điện áp dụng các biện pháp thi công phù hợp... Việc cấp điện trên địa bàn huyện đã đáp ứng trên 98% nhu cầu sử dụng điện của nhân dân. Hiện có 2/4 xã (Hòn Tre, Lại Sơn) sử dụng điện lưới quốc gia và 2/4 xã (An Sơn, Nam Du) đang sử dụng điện từ các máy phát điện.

2.6.2. Cấp nước:

Hiện việc cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất đã đáp ứng khoảng 96% nhu cầu. Các Trạm cấp nước chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu sử dụng, còn lại một số hộ dân dẫn từ các khe suối về sử dụng nên giá cả khá cao (có thời điểm

giá nước lên đến 200.000đ/m³), chưa được đánh giá về độ sạch. Tranh thủ các nguồn vốn của tỉnh, Trung ương để xây dựng các hồ chứa nước thể tích lớn nhằm trữ nước để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất của nhân dân trên đảo cũng như phục vụ nhu cầu nước cho du khách ngày càng tăng tại các xã đảo. Khuyến khích nhân dân đầu tư xây dựng, mua các dụng cụ dung tích lớn để dự trữ nước mưa tại gia đình. Năm 2015 hồ chứa nước ngọt có dung tích trên 102.000m³ đã được khởi công xây dựng tại Lại Sơn. Năm 2019, tiếp tục đầu tư Hồ chứa nước có dung tích 200.000 m³ tại xã An Sơn nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho nhân dân và khách du lịch.

V. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ, quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đạt nhiều kết quả quan trọng, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong sản xuất và chế biến nước mắm, lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đã chuyển giao một số các loại giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện, phát động trồng trên 10.000 cây trồng phân tán các loại nhằm góp phần cải thiện môi trường và hạn chế những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Thông qua các ngày môi trường thế giới 5/6 hàng năm tổ chức chiến dịch ra quân dọn dẹp vệ sinh, khai thông cống rãnh ở địa bàn các xã có trên 1.000 lượt đoàn viên tham gia, đồng thời treo băng rôn, áp phích trên địa bàn 4 xã, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện bảo vệ môi trường; hạn chế sử dụng hóa chất trong nông nghiệp; trồng rừng và bảo vệ rừng, chặt phá rừng, bảo vệ chim, động vật hoang dã, nguồn lợi thủy sản tránh gây mất cân bằng hệ sinh thái.

VI. TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG VEN BIỂN, HẢI ĐẢO; TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành tại địa phương, huyện đã kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh, gắn với xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên quán triệt cho đội ngũ cán bộ, công chức nâng cao nhận thức hơn về các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức về phẩm chất, năng lực, tác phong trong thực hiện nhiệm vụ. Đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, đảm bảo thông tin, tài liệu, kinh phí cho hoạt động của chính quyền các cấp, tổ chức triển khai thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh trong xây dựng nông thôn mới.

VII. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm thu hút đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế biển, nhất là phát triển thành khu, điểm du lịch trên các đảo trên địa bàn huyện, đã thu hút số lượng lớn khách du lịch trong nước, quốc tế. Có nhiều dự án đầu tư khu du lịch biển, đảo du lịch thể thao, giải trí ven biển.

Nhận thức, vận dụng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân và phát triển sáng tạo tiềm năng lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế biển, đồng thời vận dụng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cụ thể hóa trong phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Phát triển kinh tế biển hiện đóng góp khoảng doanh thu lớn trong cơ cấu tỷ trọng kinh tế của huyện. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước có tác dụng tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh của huyện. Các địa phương cũng đã tích cực, chủ động thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Hệ thống cơ sở hạ tầng được xây dựng phát triển cả về quy mô, số lượng tại các xã đảo của huyện. Đời sống, mức sống của nhân dân trong huyện trên các đảo được cải thiện, nâng lên rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Tỷ lệ lao động có việc làm chiếm trên 90% trong độ tuổi lao động.

2. Tồn tại, hạn chế

Tuy du lịch đang phát triển mạnh, song cũng còn những hạn chế: Chưa đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, phần lớn các dự án tập trung đầu tư khu nghỉ dưỡng, lưu trú, chưa có nhiều khu vui chơi, giải trí nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch; cơ sở vật chất y tế chưa đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho du khách và nhân dân trên đảo; nhu cầu vốn đầu tư để hoàn thiện hệ thống y tế của huyện còn rất lớn. Hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng các phương tiện thủy nội địa còn mang tính tự phát, chưa được quản lý chặt chẽ... Việc khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên biển ở từng nơi còn kém hiệu quả, đặc biệt là việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ tài nguyên biển, bảo tồn môi trường sinh thái biển và vùng bờ còn nhiều hạn chế. Khai thác tiềm năng nguồn lợi thủy sản chưa hiệu quả cao; các hệ sinh thái ven bờ biển (rạn san hô...) có xu hướng suy giảm nghiêm trọng do tác động của hoạt động kinh tế, xây dựng. Tình trạng ô nhiễm môi trường nước biển do hoạt động kinh tế và đời sống xảy ra ở nhiều nơi chưa giải quyết được. Kết cấu hạ tầng ven biển được đầu tư phát triển tương đối nhiều nhưng dàn trải, thiếu cơ sở hạ tầng lớn, hiện đại, vận hành theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

3. Nguyên nhân

Vấn đề lớn nhất là do chưa có quy hoạch tổng thể sử dụng biển, điều đó dẫn tới nguồn thủy sản bị đánh bắt cạn kiệt, các hệ sinh thái biển hệ rạn san hô, thảm thực vật biển bị phá hoại và suy thoái nghiêm trọng. Nhận thức của người dân còn thấp nên còn đánh bắt cá trái phép, thậm chí đánh bắt hủy diệt, gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng tới thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

Hệ thống chính sách, pháp luật phát triển kinh tế biển chưa đồng bộ, chưa tạo được sức mạnh để điều chỉnh các hoạt động phát triển kinh tế biển. Nhận thức về phát triển một cách hiệu quả, bền vững kinh tế biển của cán bộ và nhân dân chưa cao. Chưa chú trọng phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo tồn, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển kinh tế biển, trong điều kiện đầu tư vào các ngành nghề hoạt động

trên biển có mức độ rủi ro cao về thời tiết, thiên tai, an toàn, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng biển thường có suất đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm.

Việc đào tạo, dạy nghề cho lao động vùng biển, lao động trên biển và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ công nghệ trong nhiều ngành nghề kinh tế biển còn những hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ những thành tựu cũng như những hạn chế, khuyết điểm, rút ra một số bài học sau:

Một là, chủ động, sáng tạo trên cơ sở tiềm năng lợi thế của địa phương, vận dụng cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong tổ chức thực hiện. Quá trình đổi mới, bên cạnh những cơ hội, luôn xuất hiện những vấn đề mới, những khó khăn, thách thức mới, đòi hỏi phải chủ động, không ngừng sáng tạo.

Hai là, luôn vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân. Cần phải phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân.

Ba là, Phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, cách làm phù hợp, hiệu quả.

Bốn là, kết hợp huy động nguồn lực Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và kêu gọi đầu tư của nước ngoài nhằm tạo ra sức để phát triển bền vững.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân. Đây là bài học về “xây dựng Đảng và hệ thống chính trị”.

B. KIẾN NGHỊ

Tỉnh sớm đưa vào quy hoạch, lập khu bảo tồn hệ sinh thái biển (rạn, san hô...) trên vùng biển Kiên Hải.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình kinh tế biển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X của huyện Kiên Hải./.

Nơi nhận: *Luay*
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, PNN&PTNT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Bình